

Số: 66/2024/DS-ST

Ngày: 30-9-2024

Về việc: “*Tranh chấp yêu cầu chấm
dứt hành vi cản trở đối với việc
thực hiện quyền sử dụng đất*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL TỈNH ĐẮK NÔNG

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Dương Hà Ngân

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trương Văn Cường

2. Bà Hoàng Thị Thanh

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Phạm Thu Hương – Thư ký toà án

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa:* Bà Lại Thị Huyền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại phòng xét xử dân sự, Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 160/2022/TLST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2022, về việc: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2024/QĐXXST-DS ngày 05/7/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2024/QĐST-DS ngày 05/8/2024, và Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2024/QĐST-DS ngày 05/9/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn Th

Địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông. Có mặt

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Thanh H

Địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông. Vắng mặt

- *Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:*

1) Ông Nguyễn Văn X

Địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông. Vắng mặt

2) Ông Nguyễn Văn H

Địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông. Vắng mặt

3) Ông Nguyễn Thanh L

Địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông. Vắng mặt

- *Người làm chứng:* Ông Võ Tá L

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Vắng mặt

NHẬN THẤY:

- Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Th trình bày: Vào tháng 9 năm 2021, ông nhận chuyển nhượng 01 lô đất rẫy, thuộc thửa số 114, tờ bản đồ số 57, diện tích $4.281,8m^2$, tọa lạc tại thôn H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, người chuyển nhượng là anh Võ Tá L, thửa đất này anh L trúng đấu giá do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Mil kê biên, bán đấu giá tài sản thi hành án dân sự.

Nguồn gốc diện tích đất trên trước đây là của ông Nguyễn Thanh L, ông L có nghĩa vụ thi hành án nên bị Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Mil kê biên, bán đấu giá.

Ông đã được bàn giao đất trên thực tế và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DA 0032xx ngày 09/9/2021

Vì trước đây ông L cho con gái là bà Nguyễn Thị Thanh H một phần diện tích đất trong thửa đất số 114, tờ bản đồ số 57, nên sau khi trúng đấu giá, anh L cũng đồng ý để lại phần diện tích này cho bà Nguyễn Thị Thanh H. Bản thân ông cũng đồng ý phần diện tích trên là của bà Nguyễn Thị Thanh H

Quá trình sử dụng đã phát sinh tranh chấp tại phần diện tích được sử dụng để làm đường chung: $5m \times 13m = 65m^2$, bà H tự ý xây dựng trụ cổng bê tông và làm cửa sắt, chặn đường đi vào đất rẫy của ông.

Việc tranh chấp đã được hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã H, tuy nhiên việc hòa giải là không thành, vì vậy ông khởi kiện ra Tòa án với yêu cầu buộc bà H phải trả lại diện tích: $13m \times 5m = 65m^2$.

- Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai, và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh H trình bày: Phần đất ông Th đang khởi kiện không thuộc quyền sử dụng của gia đình bà, mà thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Văn X, nên bà không đồng ý là có tranh chấp với ông Th (BL 28, 29). Quá trình giải quyết, bà H từ chối nhận văn bản tố tụng và không có mặt tại tòa án.

- Người có quyền và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn X trình bày: Ông thừa nhận ông là người xây hai trụ cổng, và có được thực hiện việc đóng mở cổng, ông đồng ý với chị Nguyễn Thị Thanh H về việc không đồng ý cho ông Th đưa máy móc cơ giới vào sử dụng đất tại thửa 114, tờ bản đồ số 57, tuy nhiên ông xác định không có tranh chấp gì về quyền sử dụng đất với ông Nguyễn Văn Th.

- Người có quyền và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Thanh L: Quá trình giải quyết, ông H, ông L mặc dù đã được tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Th rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với nội dung buộc bà H trả lại $65m^2$ đất, giữ nguyên nội dung khởi kiện buộc bà Nguyễn Thị Thanh H chấm dứt hành vi ngăn cản ông đi vào đất rẫy

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh H, những người có quyền và nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn X, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thanh L vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng cũng như nội dung vụ án:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký từ khi thụ lý vụ án và của Hội đồng xét xử (HĐXX) tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình; Bị đơn, những người có quyền và nghĩa vụ liên quan không chấp hành việc triệu tập của tòa án

+ Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Th, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh H chấm dứt hành vi ngăn cản sử dụng đất của ông Nguyễn Văn Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án theo khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật tranh chấp là: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở đối với việc thực hiện quyền sử dụng đất*”.

[2]. Về việc vắng mặt của bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh H, người có quyền và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn X, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thanh L: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các giấy triệu tập, Thông báo về việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các văn bản tố tụng khác theo quy định của pháp luật, tuy nhiên bị đơn và những người có quyền và nghĩa vụ liên quan trên vẫn cố tình vắng mặt, Tòa án phải tiến hành lập biên bản không tiến hành hòa giải được và lập biên bản về việc vắng mặt của các đương sự trên. Như vậy việc tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và những người có quyền và nghĩa vụ liên quan là đúng theo điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc bà H, ông X, ông H, ông L cố tình vắng mặt được coi là hành vi tự tước bỏ quyền chứng minh của mình theo điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo đơn khởi kiện ban đầu, ông Th yêu cầu bà H trả lại 65m², tuy nhiên quá trình giải quyết, bà H không thừa nhận diện tích tranh chấp là thuộc quyền sử dụng của bà H. Tại phiên tòa ông Th thay đổi rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ buộc bà H chấm dứt hành vi ngăn cản sử dụng quyền sử dụng đất của ông.

Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 09/5/2024, hiện ông Th vẫn đang sử dụng diện tích đất trên thực tế đối với thửa đất 114, tờ bản đồ số 57 cơ bản là đủ so với diện tích đã nhận chuyển nhượng. Tuy nhiên quá trình sử dụng, ông Th đã bị ngăn cản trong việc đi lại, bởi cánh cổng sắt gắn liền với 02 trụ cổng, trong đó 01 trụ cổng xây dựng trên đất ông Xuân, 01 trụ cổng xây dựng trên đất ông Th. Theo lời khai của ông

Nguyễn Văn X, 02 trụ cổng là do ông xây dựng, việc sử dụng cổng (đóng, mở) có cả ông X, ông L, bà H cùng thực hiện.

Như vậy việc gây cản trở ông Nguyễn Văn Th bao gồm cả ông X, ông L, và bà H, trong đó ông X là người xây dựng 02 trụ và cánh cổng. Do ban đầu ông Th chỉ khởi kiện bà H, không khởi kiện cả ông X và ông L, nên HĐXX không có thẩm quyền xem xét hành vi ngăn cản của ông X và ông L trong vụ án này.

HĐXX thấy bà H là người đã có hành vi ngăn cản ông Th sử dụng quyền sử dụng đất, vì vậy yêu cầu khởi kiện của ông Thanh là có căn cứ

Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của ông Thanh là trong phạm vi khởi kiện ban đầu nên được chấp nhận.

[4]. *Án phí dân sự sơ thẩm*: Bà Nguyễn Thị Thanh H phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật

[5]. *Về chi phí tố tụng*: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 4.075.000đ, nguyên đơn là ông Th chấp nhận chịu toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 điều 39; Điều 5; Điều 147; Điều 157; Điều 228; Điều 229; Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 169 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 166 của Luật Đất đai 2014; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Th buộc bà Nguyễn Thị Thanh H trả lại 65m² đất

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Th buộc bà Nguyễn Thị Thanh H chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn Th đối với thửa đất số 114, tờ bản đồ số 57, diện tích đất 4.281,8m² tọa lạc tại thôn H, xã Đ, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

(kèm theo sơ đồ đo đạc theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 09/5/2024 và mảnh trích đo địa chính số 83-2024 ngày 13 tháng 8 năm 2024)

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)*.

Hoàn trả ông Nguyễn Văn Th số tiền 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006958 ngày 01/11/2022 tại Chi cục Thi hành án huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

4. Chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn Th chấp nhận chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 4.075.000đ *(bốn triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng)*, được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 4.075.000đ đã nộp tại tòa án.

5. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, những người có quyền và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil;
- Chi cục THADS huyện Đắk Mil;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Dương Hà Ngân